

**CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH ĐÀO TẠO: LUẬT**

**CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần:** KỸ NĂNG MỀM (SOFT SKILL); **Mã số:**

**2. Số tín chỉ:** 3

**3. Đối tượng:** Sinh viên ngành Luật, hệ chính quy.

**4. Phân bổ thời gian**

Tên đơn vị tín chỉ	Phân bổ số tiết				Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập	
1	10	5			15
2	10	5			15
3	10	5			15

**5. Điều kiện tiên quyết:** Không

**6. Mục tiêu học phần**

- Kiến thức:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, quan trọng về các kỹ năng mềm đồng thời phát triển các kỹ năng giúp sinh viên phát huy hiệu quả các kiến thức chuyên môn và phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng tốt hơn, thích ứng nhanh hơn với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu làm việc trong môi trường hợp tác và cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu của người lao động trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

- Kỹ năng:

Giúp người học có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề cụ thể, có khả năng làm việc độc lập và tự tin gia nhập cuộc sống một cách hiệu quả. Tạo lập môi trường phát triển các kỹ năng mềm để sinh viên được phát huy tối đa năng lực học tập, nghiên cứu khoa học và lập nghiệp; góp phần vào quá trình nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra ngành Luật.

- Thái độ:

Có tinh thần hợp tác, giúp đỡ người khác, độc lập, chủ động giải quyết công việc trong cuộc sống một cách tích cực và đúng pháp luật. Biết nhận diện những khó khăn và có khả năng vượt qua những thách thức từ công việc và cuộc sống.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra: Học xong môn học này sinh viên hiểu được những cơ bản, quan trọng về các kỹ năng mềm đồng thời phát triển các kỹ năng giúp sinh viên phát huy hiệu quả các kiến thức chuyên môn và phát triển tiềm năng cá nhân; vận dụng giải quyết công việc trong thực tiễn.

**7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Môn học cung cấp cho người học những lý thuyết cơ bản về kỹ năng mềm và những kỹ năng cụ thể, cần thiết đối với sinh viên chuyên ngành Luật, bao gồm kỹ năng

làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, trình bày và thuyết trình; kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật; Có kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; soạn thảo văn bản và viết báo cáo phân tích; Có kỹ năng đàm phán, tư vấn và làm việc với đối tác; Có kỹ năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường công việc trong nước và quốc tế.

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

Phải nghiên cứu tài liệu và nội dung bài học trước giờ lên lớp; chuẩn bị các ý kiến đề hỏi, đề xuất khi nghe giảng; chuẩn bị tài liệu, đề cương đầy đủ cho thảo luận. Sinh viên phải tham gia lớp học ít nhất 80% thời lượng của chương trình.

### 9. Tài liệu học tập

+ Tài liệu chính

[1] Trần Thị Sáu (2014), *Bài giảng Kỹ năng mềm*, Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.

+ Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Thanh Bình (2014), *Giáo dục kỹ năng*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[2] Nguyễn Công Khanh (2014), *Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3] Nguyễn Thị Oanh (2008), *Giáo dục kỹ năng sống cho lứa tuổi vị thành niên*, NXB Trẻ, Hà Nội.

[4] Lương Thị Lan Huệ (2013), *Bài giảng giáo dục kỹ năng sống*, Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Mô tả tiêu chuẩn: Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tiến hành dựa trên các tiêu chuẩn về kiến thức về các kỹ năng mềm; kỹ năng, năng lực thực hành các kỹ năng thông qua các tình huống thực tế và thái độ của sinh viên đối với việc rèn luyện các kỹ năng, qua đó giúp sinh viên nỗ lực hơn nữa trong việc học tập, trang bị cho mình những cách thức ứng xử quan trọng nhằm tạo dựng cuộc sống lành mạnh, hạnh phúc.

- Quy định các hình thức kiểm tra, thi

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
<i>Chuyên cần, thái độ</i>			
1	- Tham gia trên lớp - Chuẩn bị bài tốt - Tích cực thảo luận...	Quan sát, điểm danh.	
<i>Kiểm tra thường xuyên</i>			
2	Tự nghiên cứu: - Nội dung kiến thức 1: Mục tiêu và xác định mục tiêu. - Nội dung kiến thức 2: Giao tiếp,	- Đánh giá qua bài viết, bài tập ở trên lớp - Đánh giá qua các tình huống do sinh viên xây	

	trình bày và thuyết trình.	dụng, sưu tập.	
3	Hoạt động nhóm: - Nội dung kiến thức: Kỹ năng làm việc nhóm; Rèn luyện kỹ năng xác định giá trị. - Kỹ năng: Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, kỹ năng nhận diện tình huống, kỹ năng thuyết trình.	Trình bày báo cáo và nhóm khác đánh giá theo thang điểm	
4	Bài kiểm tra: - Nội dung 1: - Thực hành kỹ năng tự nhận thức, định giá trị. - Nội dung 2: - Thực hành kỹ năng xác định mục tiêu, làm việc nhóm, giao tiếp, trình bày, thuyết trình. - Nội dung 3: - Thực hành kỹ năng giải quyết mâu thuẫn tích cực, kỹ năng đàm phán, tư vấn.	Thực hành kỹ năng Sân khấu hóa tình huống	
<i>Các bài thi</i>			
5	Thi kết thúc học phần	Vấn đáp	

## 11. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng được mô tả ở bảng sau:

Nội dung	Chuyên cần, thái độ	Kiểm tra thường xuyên	Thi kết thúc học phần
Trọng số	5%	35%	60%

## 12. Nội dung chi tiết học phần

### CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KỸ NĂNG MỀM (1LT, 1BT)

#### 1.1 Khái niệm

#### 1.2 Các kỹ năng mềm cơ bản

### CHƯƠNG 2 KỸ NĂNG TỰ NHẬN THỨC (4LT, 2BT)

#### 2.1 Khái niệm

#### 2.2 Giáo dục kỹ năng tự nhận thức

### CHƯƠNG 3 KỸ NĂNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ (4LT, 2BT)

#### 3.1 Khái niệm

#### 3.2 Giáo dục kỹ năng xác định giá trị

### CHƯƠNG 4 KỸ NĂNG XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU (4LT, 2BT)

- 4.1 Khái niệm
- 4.2 Giáo dục kỹ năng xác định mục tiêu
- CHƯƠNG 5 KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM (4LT, 2BT )
  - 5.1 Khái niệm
  - 5.2 Giáo dục kỹ năng làm việc nhóm
- CHƯƠNG 6 KỸ NĂNG GIAO TIẾP, TRÌNH BÀY VÀ THUYẾT TRÌNH (4LT, 2BT)
  - 6.1 Khái niệm
  - 6.2 Giáo dục kỹ năng giao tiếp
  - 6.3 Giáo dục kỹ năng trình bày và thuyết trình
- CHƯƠNG 7 KỸ NĂNG ỨNG PHÓ VỚI CĂNG THẲNG VÀ GIẢI QUYẾT Mâu THUẦN MỘT CÁCH TÍCH CỰC (5LT, 2BT)
  - 7.1 Khái niệm
  - 7.2 Giáo dục kỹ năng ứng phó với căng thẳng
  - 7.3 Giáo dục kỹ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực
- CHƯƠNG 8 KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN, TƯ VẤN (4LT, 2BT)
  - 8.1 Khái niệm
  - 8.2 Giáo dục kỹ năng đàm phán
  - 8.3 Giáo dục kỹ năng tư vấn

*Quảng Bình, ngày tháng năm 2017*  
**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS Hoàng Dương Hùng**